

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ (Đợt 01)  
Dự án: Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng  
Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước  
Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai số ngày 01/7/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Nghị định quy định chi tiết về thực hiện Luật đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 và Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 01) Công trình: Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước Địa điểm: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;*

Căn cứ Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh tên công trình, dự án tại Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 và Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB thực hiện dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quang Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân tại Tờ trình số 11/TTr-HĐBTGPMB ngày 21/10/2022 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng ngày 21/10/2022 thông qua Phương án bồi thường hỗ trợ chi tiết đợt 01- điều chỉnh, bổ sung).

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 01) để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, với các nội dung như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB điều chỉnh, bổ sung: **7.586.376.755 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi sáu đồng bảy trăm năm mươi lăm đồng), trong đó:

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 7.444.606.414 đồng, bao gồm:

- Đã phê duyệt theo Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 15/6/2020: 6.444.106.414 đồng;

- Phần điều chỉnh, bổ sung (tăng): 1.000.500.000 đồng.

b) Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 128.882.128 đồng (theo Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh).

c) Chi phí dự phòng cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất: 12.888.213 đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục 01, 02 và 03 kèm theo Quyết định này)*

2. Nguồn vốn chi trả: Ngân sách tỉnh.

3. Nội dung chi tiết: Chi tiết theo phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 01) điều chỉnh, bổ sung kèm theo Tờ trình số 11/TTr-HĐBTGPMB ngày 21/10/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

**Điều 2.** Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Ng. Tuấn Thanh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K10, K16.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục 01:**  
**TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ**  
**CHI PHÍ PHỤC VỤ GPMB (ĐỢT 01) ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**  
**Dự án: Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng**  
**Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**  
**Địa điểm: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2022 của UBND tỉnh)*

*ĐVT: Đồng*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Theo Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 15/6/2020</b>	<b>Điều chỉnh, bổ sung (tăng)</b>	<b>Giá trị hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung</b>
<b>a</b>	<b>Chi phí bồi thường, hỗ</b>	<b>6.444.106.414</b>	<b>1.000.500.000</b>	<b>7.444.606.414</b>
	- Đất các loại	5.233.113.310	1.000.500.000	6.233.613.310
	- Cây trồng các loại	7.547.500	-	7.547.500
	- Nhà các loại	459.644.441	-	459.644.441
	- Vật kiến trúc	274.179.859	-	274.179.859
	- Mồ mả	38.158.104	-	38.158.104
	- HT khác và thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	431.463.200	-	431.463.200
<b>b</b>	<b>Chi phí phục vụ hỗ trợ: (a) x 2%</b>	<b>128.882.128</b>	-	<b>128.882.128</b>
<b>c</b>	<b>Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: (b) x 10%</b>	-	<b>12.888.213</b>	<b>12.888.213</b>
<b>Tổng cộng (a)+(b)+(c):</b>		<b>6.572.988.542</b>	<b>1.013.388.213</b>	<b>7.586.376.755</b>

**Phụ lục 02:**  
**BẢNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ CHI PHÍ PHỤC VỤ BỒI THƯỜNG GPMB (ĐỢT 01)**  
**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**

**Dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng**  
**Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**  
**Địa điểm: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2022 của UBND tỉnh)*

*DVT: đồng*

<b>T T</b>	<b>Họ, tên chủ hộ</b>	<b>Bồi thường, hỗ trợ về đất</b>	<b>Bồi thường về cây trồng</b>	<b>Bồi thường về nhà</b>	<b>Bồi thường về vật kiến trúc</b>	<b>Bồi thường mồ mả</b>	<b>Hỗ trợ khác và thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Phan Thị Cả	53.108.000					3.780.000	<b>56.888.000</b>	Giá trị không thay đổi vì hộ không bồi thường về đất ở
2	Nguyễn Ngọc Nay	109.340.000					7.560.000	<b>116.900.000</b>	
3	Võ Văn Cần	261.480.930		3.510.000	2.887.500		16.069.400	<b>283.947.830</b>	
4	Phan Văn Mẫn	169.264.000					6.615.000	<b>175.879.000</b>	
5	Trần Minh Cường (chết); Vợ: Đoàn Thị Chương	370.336.000					11.340.000	<b>381.676.000</b>	
6	Phan Văn Trúc (chết); Con: Phan Xuân Thạch (đại diện)	1.297.309.200	6.347.500	337.140.220	69.749.266		59.656.000	<b>1.770.202.186</b>	Điều chỉnh, bổ sung tăng
7	Nguyễn Văn Phúc	341.945.940		39.875.766	74.288.025	18.000.000	128.237.600	<b>602.347.331</b>	Giá trị không thay đổi vì hộ không bồi
8	Võ Văn Lộc	260.986.770	1.200.000	75.790.455	76.407.068		177.754.400	<b>592.138.692,5</b>	

<b>T T</b>	<b>Họ, tên chủ hộ</b>	<b>Bồi thường, hỗ trợ về đất</b>	<b>Bồi thường về cây trồng</b>	<b>Bồi thường về nhà</b>	<b>Bồi thường về vật kiến trúc</b>	<b>Bồi thường mồ mả</b>	<b>Hỗ trợ khác và thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Ghi chú</b>
9	Lê Thanh Hùng	59.507.940				14.431.284	11.175.200	<b>85.114.424</b>	thường về đất ở
10	Võ Minh Thế	44.067.570				3.726.820	8.275.600	<b>56.069.990</b>	Giá trị không thay đổi vì hộ không bồi thường về đất ở
11	Nguyễn Ngọc Sáng	21.474.660		3.328.000	50.848.000		1.000.000	<b>76.650.660</b>	
12	Nguyễn Hồng Quy					2.000.000		<b>2.000.000</b>	
13	UBND xã Phước Thuận (ông Nguyễn Văn Phúc đang thuê NTTTS)	1.047.647.600						<b>1.047.647.600</b>	
14	UBND xã Phước Thuận (ông Võ Văn Lộc đang thuê NTTTS)	2.197.144.700						<b>2.197.144.700</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.233.613.310</b>	<b>7.547.500</b>	<b>459.644.444</b>	<b>274.179.859</b>	<b>38.158.104</b>	<b>431.463.200</b>	<b>7.444.606.414</b>	
<b>A</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ</b>							<b>7.444.606.414</b>	
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GPMB</b>							<b>128.882.128</b>	
<b>C</b>	<b>KINH PHÍ DỰ PHÒNG CƯỜNG CHẾ THU HÒI ĐẤT (10%B)</b>							<b>12.888.213</b>	
<b>D</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ VÀ CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GPMB</b>							<b>7.586.376.755</b>	

**Phụ lục 03:**  
**DANH SÁCH CHI TRẢ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT (ĐỢT 01)**  
**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG**

**Dự án: Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng**  
**Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**  
**Địa điểm: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2022 của UBND tỉnh)*

*ĐVT: đồng*

<b>T T</b>	<b>Họ, tên chủ hộ</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Theo Quyết định số 2345/QĐ- UBND ngày 15/6/2020</b>	<b>Điều chỉnh, bổ sung</b>	<b>Chênh lệch tăng</b>
1	Phan Thị Cả	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	56.888.000	56.888.000	0
2	Nguyễn Ngọc Nay	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	116.900.000	116.900.000	0
3	Võ Văn Càn	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	283.947.830	283.947.830	0
4	Phan Văn Mẫn	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	175.879.000	175.879.000	0
5	Trần Minh Cường (chết); Vợ: Đoàn Thị Chương	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	381.676.000	381.676.000	0
6	Phan Văn Trúc (chết); Con: Phan Xuân Thạch (đại diện)	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	769.702.186	1.770.202.186	1.000.500.000
7	Nguyễn Văn Phúc	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	602.347.331	602.347.331	0
8	Võ Văn Lộc	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	592.138.693	592.138.692,5	0
9	Lê Thanh Hùng	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	85.114.424	85.114.424	0
10	Võ Minh Thế	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	56.069.990	56.069.990	0
11	Nguyễn Ngọc Sáng	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	76.650.660	76.650.660	0
12	Nguyễn Hồng Quy	Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận	2.000.000	2.000.000	0
13	UBND xã Phước Thuận (ông Nguyễn Văn Phúc đang thuê NTTS)		1.047.647.600	1.047.647.600	0
14	UBND xã Phước Thuận (ông Võ Văn Lộc đang thuê NTTS)		2.197.144.700	2.197.144.700	0
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>6.444.106.414</b>	<b>7.444.606.414</b>	<b>1.000.500.000</b>